

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 370-KL/TU ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định

mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 11/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 371/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1); số 514/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1); số 699/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 ngân sách cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kết luận số 905/KL-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 40/TTr-SDTTG ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng số vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình 1719 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 là: **87.418,492 triệu đồng**.

2. Điều chỉnh, phân bổ nguồn tại khoản 1 Điều này sang thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Cụ thể:

- Phân bổ **86.219 triệu đồng** cho 26 xã khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ **1.199,492** triệu đồng cho xã Văn Phú (*để tiếp tục thực hiện Dự án Duy tu, bảo dưỡng đập mương bản Lót, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá*).

(Chi tiết tại Phụ lục I, II và Phụ biểu I.1 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

2. Sở Tài chính căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm thông báo bổ sung có mục tiêu cho các xã để tổ chức thực hiện; đồng thời hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc Chương trình. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành.

4. UBND các xã được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chủ động phối hợp với các cơ quan chủ quản chương trình và cấp có thẩm quyền để triển khai thực hiện đúng quy định; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, công khai, dân chủ, có hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành; báo cáo tổng

kết, đánh giá kết quả về Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tài chính; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện, trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các dự án, tiểu dự án.

5. Các sở, ngành, địa phương thực hiện huy động và lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ; việc lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo theo Luật Ngân sách nhà nước, có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã của chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với các văn bản quy định liên quan. Việc huy động và lồng ghép tránh chồng chéo, trùng lặp; quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã; các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VP, VX, KTTC (TĐN57512).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

Phụ lục I

TỔNG HỢP SỐ KINH PHÍ KHÔNG CÒN ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ, KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIẢI NGÂN TỪ CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Kinh phí	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CỘNG	87.418,492	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	1.199,492	
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.199,492	
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	83.478,000	
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	82.977,000	
-	Tiểu dự án 4 - Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình	501,000	
3	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em	2.350,000	
4	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	391,000	
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 10: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào	391,000	

Phụ lục II
CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC PHÉP KÉO
DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2026 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị/ Dự án/ Tiểu dự án thành phần	Số vốn NSTW được phép kéo dài sang năm 2026	Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	I	2	3
	TỔNG CỘNG	87.418,492	87.418,492	
I	Tổng số vốn NSTW được phép kéo dài sang năm 2026 không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện giải ngân vốn theo quy định	87.418,492		
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	892,000		
-	Tiểu dự án 4 - Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình	501,000		
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 10: Biểu dương, tôn vinh điểm hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào	391,000		
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	82.977,000		
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	82.977,000		
3	Sở Y tế	2.350,000		

TT	Đơn vị/ Dự án/ Tiểu dự án thành phần	Số vốn NSTW được phép kéo dài sang năm 2026	Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3
-	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	2.350,000		
4	Xã Yên Thắng	1.199,492		
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.199,492		
II	Tổng kinh phí điều chỉnh từ Mục I phân bổ cho UBND các xã		87.418,492	
1	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		86.219,000	Chi tiết tại Phụ biểu I.1 kèm theo
2	Xã Văn Phú		1.199,492	
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		1.199,492	Thực hiện Dự án "Duy tu, bảo dưỡng đập mương bản Lót, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá

Phụ biểu I.1

**PHÂN BỐ VỐN ĐIỀU CHỈNH NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 THỰC HIỆN TIÊU DỰ' ÁN 1, DỰ' ÁN 4
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Xã KVIII (09 điểm/ xã)	Trong đó		Xã ATK (I, II) (8 điểm/xã)	Thôn ĐBKK (1,8 điểm/thôn)	Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,03 điểm/1%)	Điểm số các xã, thôn ĐBKK	Kinh phí phân bổ cho các xã
			KV III ATK (01 điểm/xã)	KV III BG (01 điểm/xã)					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	26		6			938,05	269,1882	86.219
1	Xã Mường Lát	1		1			41,46	11,2	3.601
2	Xã Pù Nhi	1		1			50,12	11,5	3.685
3	Xã Nhi Sơn	1		1			34,4	11,0	3.533
4	Xã Trung Lý	1		1			65,97	12,0	3.837
5	Xã Phú Lệ	1					46,33	10,4	3.328
6	Xã Trung Thành	1					63,47	10,9	3.492
7	Xã Tam Lư	1					15,11	9,5	3.028
8	Xã Sơn Điện	1					51,35	10,5	3.376
9	Xã Mường Mìn	1		1			7,33	10,2	3.273
10	Xã Bát Mọt	1		1			63,99	11,9	3.818
11	Xã Trung Hạ	1					45,76	10,4	3.322
12	Xã Pù Luông	1					34,89	10,0	3.218

TT	Đơn vị	Xã KVIII (09 điểm/ xã)	Trong đó		Xã ATK (I, II) (8 điểm/xã)	Thôn ĐBKK (1,8 điểm/thôn)	Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,03 điểm/1%)	Điểm số các xã, thôn ĐBKK	Kinh phí phân bổ cho các xã
			KV III ATK (01 điểm/xã)	KV III BG (01 điểm/xã)					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
13	Xã Phú Xuân	1					72,57	11,2	3.580
14	Xã Văn Phú	1					49,87	10,5	3.362
15	Xã Giao An	1					43,7	10,3	3.302
16	Xã Điền Quang	1					27,87	9,8	3.150
17	Xã Nguyệt Ấn	1					5,53	9,2	2.936
18	Xã Như Xuân	1					9,05	9,3	2.970
19	Xã Hóa Quỳ	1					51,62	10,5	3.379
20	Xã Xuân Thái	1					10,2	9,3	2.981
21	Xã Lương Sơn	1					11,21	9,3	2.990
22	Xã Luận Thành	1					41,95	10,3	3.286
23	Xã Xuân Bình	1					38,77	10,2	3.255
24	Xã Thăng Lộc	1					38,51	10,2	3.253
25	Xã Vạn Xuân	1					48,37	10,5	3.347
26	Xã Thọ Bình	1					3,54	9,1	2.917